

NGHỊ QUYẾT

**Quy định các nội dung chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông
đường thủy nội địa do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
Căn cứ Thông tư số 01/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và
bảo trì công trình đường thủy nội địa;
Căn cứ Thông tư số 113/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa;
Xét Tờ trình số 168/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết quy định các nội dung chi
thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa do địa phương
quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân
sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

b) Nghị quyết này không áp dụng, thực hiện đối với nguồn kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa và Chương IV Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước đảm bảo.

Điều 2. Nội dung chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý và nguồn kinh phí thực hiện

1. Nội dung chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý

a) Chi thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý, bao gồm:

- Chi lập hồ sơ các vị trí nguy hiểm trên đường thủy nội địa, các vật chướng ngại và theo dõi kết quả xử lý;

- Chi khảo sát luồng phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa; tổ chức giao thông, kiểm tra bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; quản lý, lắp đặt, điều chỉnh báo hiệu đường thủy nội địa trên bờ, dưới nước; theo dõi thủy chí, thủy văn, đếm phương tiện;

- Chi bảo dưỡng thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo nội dung, kế hoạch bảo trì hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Chi sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, bao gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất theo nội dung, kế hoạch bảo trì hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Chi quan trắc (trừ quan trắc mực nước, theo dõi lưu lượng phương tiện vận tải đã được tính trong chi bảo dưỡng thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa), kiểm định chất lượng công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật về bảo trì công trình đường thủy nội địa;

- Chi thanh toán phần kinh phí chênh lệch (nếu có) cho doanh nghiệp trong trường hợp kinh phí bảo trì luồng đường thủy nội địa lớn hơn giá trị sản phẩm tận thu đối với hình thức bảo trì kết hợp tận thu sản phẩm quy định tại Điều 10 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP (nạo vét, duy tu luồng đường thủy nội địa có sản phẩm tận thu) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

- Chỉ cho công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông thường xuyên và chống va trôi;

- Các khoản chi không thường xuyên khác thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, như phòng, chống thiên tai đường thủy nội địa; xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; lập, điều chỉnh quy trình và định mức quản lý, khai thác, bảo trì đối với công trình được đầu tư bằng ngân sách nhà nước đã đưa vào khai thác, sử dụng; ứng dụng công nghệ phục vụ quản lý, vận hành, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, theo quy định của pháp luật liên quan.

b) Nội dung chi khác: Theo quy định pháp luật giao thông đường thủy nội địa và các văn bản pháp luật khác có liên quan bố trí từ kinh phí chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2021. *VT*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBNDTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT *VT*

CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền

